TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 584/2021/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 06 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ Việc dân sự thụ lý số 588/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2021 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Trần Nghiệp K, sinh năm 1987; Nơi cư trú: 56 Trần Thị Hè, phường H, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chị Phạm Vũ Ngọc N, sinh năm 1986; Nơi cư trú: 239 khu phố 4, phường TN, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nhận được đơn yêu cầu "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*" của chị Phạm Vũ Ngọc N và anh Trần Nghiệp K.

Theo tài liệu cung cấp thì chị Phạm Vũ Ngọc N đang cư trú tại 239 khu phố 4, phường TN, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai; anh K và chị N cùng thoả thuận lựa chọn Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà là nơi giải quyết việc dân sự; đồng thời anh, chị đã nộp tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự.

Do đó, đơn yêu cầu của anh K và chị N được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Chị Phạm Vũ Ngọc N và anh Trần Nghiệp K tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TN, thành phố Biên Hòa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 138/2012 quyển số 1/2012 ngày 11 tháng 10 năm 2012. Chị N, anh K thừa nhận hôn nhân không hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Cả hai đều xác định tình cảm không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh Trần Nghiệp K, chị Phạm Vũ Ngọc N có 01 con chung tên Trần Thiện T, sinh ngày 18/11/2013. Khi ly hôn, anh K và chị N thoả thuận thống nhất giao cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, anh Trần Nghiệp K được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị Phạm Vũ Ngọc N và anh Trần Nghiệp K thống nhất không đoàn tụ, xin được công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 29 tháng 4 năm 2021.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Vũ Ngọc N và anh Trần Nghiệp K.

Về con chung: Vợ chồng anh Trần Nghiệp K, chị Phạm Vũ Ngọc N có 01 con chung tên Trần Thiện T, sinh ngày 18/11/2013. Khi ly hôn, anh K và chị N thoả thuận thống nhất giao cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, anh Trần Nghiệp K được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong số tiền trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo quy định của tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Hôn nhân gia đình: Anh Trần Nghiệp K, chị Phạm Vũ Ngọc N mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) anh K, chị N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000527 ngày 22/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân nhân thành phố Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Uỷ ban nhân dân phường TN, thành phố Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Trần Anh Đức